TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ BỒNG
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày: 30-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BỒNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thuận
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Duy Tuấn
2. Ông Đinh Hồng Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Non - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 252/2022/QĐST-DS ngày 12/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 3, thôn Tr, xã Trà S, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

Bị đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu dân cư 1, tổ dân phố 1, thị trấn Trà X, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2021, bản tự khai ngày 16/12/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết nên bà Võ Thị T có vay tiền của bà hai lần. Vào ngày 02/5/2018 (Dương lịch), bà T vay của bà số tiền 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.400.000 đồng/tháng, bà T trả được 15 tháng là đến tháng 8/2019 và ngày 15/02/2019 (Dương lịch) bà T vay của bà số tiền 200.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.000.000 đồng/tháng, bà T trả được 06 tháng đến tháng 8/2019 với số tiền là 12.000.000 đồng, đến tháng 9 năm 2019 bà T không trả cho bà cả gốc và lãi và ngày 15/9/2019 bà có đến nhà bà T yêu cầu bà T trả lại tiền gốc cho bà và hẹn đến ngày 29/9/2019 phải trả cho bà, nhưng đến hẹn bà T không chịu trả và có thái độ không hợp tác, thách thức bà nên đến ngày 30/9/2019 bà có báo Công an thị trấn Trà X, Công an Huyện Trà Bồng về việc bà T cố tình không trả tiền cho bà, nhưng bà T vẫn cố tình trốn tránh, vắng mặt tại địa phương.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng giải quyết: Buộc bà Võ Thị T phải trả cho bà số tiền nợ gốc 270.000.000 đồng, số tiền lãi bà yêu cầu tính từ ngày 15/9/2019, với lãi suất 1,66%/tháng. Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi đề nghị Tòa án tính theo quy định của pháp luật và tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bên bị đơn bà Võ Thị T: Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T vắng mặt, không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Đúng theo quy định của pháp luật; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc: 270.000.000 đồng, số tiền lãi được tính theo quy định của pháp luật, với lãi suất chậm trả 10%/năm, là 72.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 342.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về dân sự phát sinh theo hợp đồng giữa hai cá nhân. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp về dân sự giữa bà Trần Thị Thanh H và bị đơn là bà Võ Thị T, bị đơn có địa chỉ tại: Khu dân cư 1, tổ dân phố 1, thị trấn Trà X, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng

thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các Thông báo, Giấy triệu tập cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Xét nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn – bà Võ Thị T theo hợp đồng vay (khu dân cư 1, tổ dân phố 1, thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi), Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an thị trấn Trà Xuân và được biết bà Võ Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu dân cư 1, tổ dân phố 1, thị trấn Trà X, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, hiện tại bà Võ Thị T không có mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ. Việc bà T không có mặt tại địa phương và thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, được xem là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà T nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Võ Thị T phải trả tiền gốc là 270.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Giấy vay tiền ghi ngày 02/5/2018 (Dương lịch), có nội dung bà T có vay của bà H số tiền 70.000.000 đồng và giấy vay tiền ghi ngày 15/02/2019 (Dương lịch) nội dung bà T vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng đã tiến hành trưng cầu giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ngãi và tại Kết luận giám định số 170/KL-KTHS ngày 02/3/2022, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ngãi xác định chữ viết, chữ ký, con số trên hai giấy vay tiền ngày 02/5/2018 và ngày 15/02/2019 là của bà Võ Thị T. Do đó, có căn cứ xác định bà T có vay của bà H vào hai ngày là ngày 02/5/2018 (Dương lịch) với số tiền 70.000.000 đồng và ngày 15/02/2019 (Dương lịch) với số tiền 200.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền gốc tổng cộng là 270.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Tại hai giấy vay tiền ngày 02/5/2018 và 15/02/2019 đều không có ghi thời hạn trả nợ và lãi suất các bên thỏa thuận, quá trình làm việc với Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh được thời hạn vay và lãi suất các bên thỏa thuận là bao nhiêu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi suất.

Theo khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự thì *"Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ và bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý"*.

Theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì *"Trường hợp vay không có lãi mà đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả"*.

Trong vụ án này, ngày 15/9/2019 nguyên đơn có đến yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và hẹn đến thời gian ngày 29/9/2019 bị đơn sẽ phải trả nợ gốc cho nguyên đơn, đến hẹn nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả nhưng bị đơn vẫn không trả, ngày 30/9/2019 nguyên đơn có đến trình báo Công an thị trấn Trà X về việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn nhưng cố tình trốn tránh, không chịu trả. Tòa án đã tiến hành xác minh được biết ngày 29/9/2019 là thời điểm hẹn trả nợ giữa bị đơn và nguyên đơn, nhưng đến thời điểm hẹn trả nợ thì bị đơn thường xuyên vắng mặt tại địa phương, sau đó bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo địa chỉ, vì vậy thời gian hợp lý để tính khoản tiền chậm trả được tính từ ngày 30/9/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/5/2022, bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả với thời gian 02 năm 08 tháng (từ ngày 30/9/2019 đến ngày 30/5/2022), với mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

270.000.000 x 10%/năm x 2 năm 8 tháng = 72.000.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi: 342.000.000 đồng.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, là 17.100.000 đồng (342.000.000 đồng x 5%).

Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 3.500.000 đồng, bà Trần Thị Thanh H đã nộp tạm ứng nên bà Võ Thị T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 3.500.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 271 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Võ Thị T phải trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền nợ gốc: 270.000.000 đồng, số tiền lãi chậm trả là 72.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi: 342.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu 17.100.000 đồng (mười bảy triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Trần Thị Thanh H số tiền 9.663.300 đồng (chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm đồng) do đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm, theo biên lai số 0000632 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị T phải chịu 3.500.000 đồng tiền chi phí giám định, bà Võ Thị T phải hoàn trả cho bà Trần Thị Thanh H 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định do bà Trần Thị Thanh H đã nộp.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q.Ngãi;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thị Minh Thuận